



Tình yêu đôi lứa - từ ái luyện đến từ ái trong ánh sáng Phật pháp

ISSN: 2734-9195

14:20 11/11/2025

Tình yêu đôi lứa, tưởng chừng là câu chuyện riêng tư của hai cá nhân, nhưng trong ánh sáng Phật học và trong dòng chảy văn hóa Việt Nam, nó hiện lên như một vấn đề triết học, văn hóa, đạo đức và chính trị.

Tác giả: **ThS. Nguyễn Hoàng Hành (Minh Dục)**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Bài viết “Tình yêu đôi lứa - từ ái luyện đến từ ái trong ánh sáng Phật pháp” triển khai trong chuyên đề Tình yêu trong ánh sáng Phật học: Bảy khuôn mặt của nhân sinh. Dựa trên kinh điển Phật giáo (Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm), bài viết phân tích hai mặt của tình yêu đôi lứa: ái luyện (tanhā, attachment) dẫn đến khổ đau, và từ ái (mettā, loving-kindness) mang lại an lạc. So sánh Đông - Tây, Kim - Cổ (Shakespeare, Goethe, Tagore, Neruda, Rumi, Gibran, Nguyễn Du, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Trịnh Công Sơn) cho thấy tình yêu ở mọi truyền thống cần chuyển hóa từ chiếm hữu sang hiến tặng.

Trong bối cảnh AI, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, tình yêu trở thành mặt trận mềm của văn hóa, đạo đức và chính trị.

Thực tiễn Việt Nam (Luật Hôn nhân & Gia đình 2014, Chiến lược phát triển gia đình 2030, UN Women 2024) khẳng định tình yêu bình đẳng là nền tảng cho gia đình bền vững và hòa bình xã hội.

Từ khóa: tình yêu đôi lứa; Phật học; ái luyện; từ ái; văn hóa Việt; toàn cầu hóa; kỷ nguyên số.

Abstract

The article “Romantic Love – From Attachment to Loving-kindness in the Light of Buddhist Philosophy” belongs to the series Love in the Light of Buddhism: Seven Faces of Human Existence. Based on Buddhist scriptures (Dhammapada, Ullambana Sūtra, Diamond Sūtra, Avataṃsaka Sūtra), it analyzes the dual nature of romantic love: attachment (tanhā, craving, possessiveness) leading to suffering, and loving-kindness (mettā, giving, liberation) bringing harmony. Comparative dialogues between East and West, ancient and modern (Shakespeare, Goethe, Tagore, Neruda, Rumi, Gibran, Nguyễn Du, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Trịnh Công Sơn) demonstrate that love requires transformation from possession to gift. In today’s context of AI, globalization, climate change, and social inequality, romantic love is a soft front of culture, ethics, and politics. Practical cases (Vietnam’s Law on Marriage and Family 2014, the Family Development Strategy 2030, UN Women 2024) affirm that equitable and compassionate love underpins sustainable families, humane societies, national solidarity, and global peace.

Keywords: romantic love; Buddhism; attachment; loving-kindness; Vietnamese culture; globalization; digital era.

1. Mở đầu

Tình yêu đôi lứa là một trong những bí mật vừa gần gũi vừa sâu thẳm nhất của nhân sinh. Nó hiện hữu trong mọi nền văn hóa, mọi thời đại, như mạch nguồn bất tận nuôi dưỡng thi ca, âm nhạc, triết học và tôn giáo. Nhưng song song với sự ngọt ngào, tình yêu cũng ẩn chứa những cạm bẫy của khổ đau, ghen tuông, tuyệt vọng.

Nhân loại ca ngợi tình yêu, thì các bậc hiền triết và tôn giáo lại luôn nhắc nhở: phải biết chuyển hóa tình yêu để nó không trở thành xiềng xích, mà thành đôi cánh nâng đỡ con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói một câu bất hủ: “Muốn yêu Tổ quốc, phải yêu đồng bào mình” (Hồ Chí Minh Toàn tập, T.10, 2011, tr. 612). Câu nói tưởng như đơn giản, nhưng gợi mở chiều sâu triết lý: tình yêu dân tộc, tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ những mối quan hệ thân thuộc nhất – từ cha mẹ, gia đình, và cả tình yêu đôi lứa. Không có hạt mầm tình thương trong đời sống riêng tư, thì khó có thể vun bồi tình yêu rộng lớn cho cộng đồng. Do đó, tình yêu đôi lứa không chỉ là một vấn đề cá nhân, mà còn gắn liền với vận mệnh tinh thần và đạo đức của cả xã hội.

Trong ánh sáng Phật học, tình yêu đôi lứa được nhìn bằng một cặp mắt khác: tỉnh thức và bi mẫn. Kinh Pháp cú (câu 212) cảnh báo: “Từ ái sinh sầu muộn, từ

ái sinh sợ hãi. Ai thoát khỏi ái dục, người ấy không còn sầu muộn, không còn sợ hãi” (Thích Minh Châu dịch, 2016). Ở đây, đức Phật không phủ nhận tình yêu, mà chỉ ra sự thật: khi tình yêu rơi vào ái luyến (luyến ái – sự ràng buộc, chiếm hữu), nó tất yếu dẫn đến khổ đau. Nhưng cùng lúc, Phật giáo mở ra con đường từ ái (mettā): tình yêu không chiếm hữu, không ràng buộc, mà hiến tặng sự an lạc, để cả hai cùng thăng hoa.

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã từng dạy: “Tình thương chân thật là tình thương không đòi hỏi, không chiếm hữu, mà chỉ mong người khác được hạnh phúc” (Pháp thoại, 2023). Đây chính là chiếc cầu nối cho hành trình từ ái luyến sang từ ái – từ yêu bằng ham muốn, sang yêu bằng lòng bi mẫn.

Trong văn hóa phương Tây, Shakespeare đã viết trong Romeo and Juliet: “My bounty is as boundless as the sea, my love as deep; the more I give to thee, the more I have, for both are infinite” (Tình yêu của ta như biển cả vô bờ, càng cho đi càng dạt dào). Còn Tagore, thi hào Ấn Độ, thì khẳng định: “Tình yêu không đòi hỏi sở hữu, mà chỉ đòi hỏi tự do” (Gitanjali). Những tư tưởng ấy, khi soi chiếu với Phật học, gặp nhau ở điểm: tình yêu đích thực là tình yêu không cạn kiệt khi biết trao tặng, mà ngược lại, càng trao tặng càng thêm sung mãn.

Trong văn học Việt Nam, ca dao ghi lại khát vọng tình yêu bền chặt:

“Yêu nhau chẳng quản chi xa,
Một ngày không gặp bằng ba thu sầu”.

Nhưng Nguyễn Du trong Truyện Kiều lại khắc họa sự mong manh của ái luyến: “Cũng liều nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu.” Kiều và Kim Trọng, dù yêu sâu đậm, vẫn bị cuốn vào định mệnh và xã hội, để lại thông điệp đau đớn: tình yêu khi còn nặng ái luyến, khó thoát khỏi khổ đau.

Trong thời đại mới, tình yêu đôi lứa lại đứng trước những thách thức chưa từng có. Trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội, và nền kinh tế số đã biến tình yêu thành một “dữ liệu cảm xúc” dễ dàng được lưu trữ, trao đổi, thậm chí thay thế. Nhiều mối quan hệ trở nên mong manh, gắn liền với “like” và “share”, hơn là sự gắn bó chân thật.

Tình yêu đôi lứa, dưới ánh sáng Phật học, là một hành trình chuyển hóa: từ ái luyến chiếm hữu sang từ ái sẻ chia. Kinh Pháp cú nhắc rằng: “Chiến thắng vạn quân không bằng chiến thắng chính mình” – tình yêu muốn bền lâu phải vượt qua bản ngã ích kỷ.

Song, tình yêu không chỉ là câu chuyện riêng của hai người, mà còn gắn bó với hạnh phúc cộng đồng. Trong diễn văn kỷ niệm 80 năm Quốc khánh, Tổng bí thư Tô Lâm khẳng định: “Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, vào năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, Việt Nam ta trở thành một quốc gia phát triển, hùng cường, thịnh vượng, nhân dân ấm no, hạnh phúc” (Tô Lâm, 2025b). Khi khát vọng dân tộc là hạnh phúc toàn dân, tình yêu đôi lứa cũng không thể chỉ dừng ở sự thỏa mãn cá nhân, mà phải hóa thân thành trách nhiệm – một mảnh ghép góp vào bản giao hưởng hạnh phúc chung của đất nước.

Lời nhắc ấy không chỉ đúng với chính trị, mà còn soi sáng cả chuyện yêu: tình yêu nếu bị tha hóa bởi chủ nghĩa cá nhân sẽ đánh mất vai trò điểm tựa tinh thần, chỉ còn là cuộc mặc cả ích kỷ.

Từ góc nhìn chiến lược, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (2025) về khoa học – công nghệ và chuyển đổi số cũng nhấn mạnh: “Phát triển công nghệ phải đi đôi với phát triển con người, xây dựng văn hóa số lành mạnh, nhân văn.” Điều này gợi nhắc rằng, trong kỷ nguyên AI, tình yêu đôi lứa cũng phải “chuyển đổi số”: không phải là số hóa cảm xúc, mà là nâng cấp tình yêu thành từ ái, để công nghệ phục vụ hạnh phúc chứ không phá vỡ nó.

Trong bối cảnh ấy, việc nghiên cứu tình yêu đôi lứa trong ánh sáng Phật học trở thành một chuyên đề không chỉ mang tính triết học – văn hóa, mà còn có ý nghĩa xã hội và chính trị. Bởi tình yêu là “trường học đầu đời” của lòng nhân ái; từ sự gắn bó nam nữ, con người học cách tôn trọng, chia sẻ, hiến tặng, để rồi mở rộng ra tình yêu gia đình, tình yêu đồng bào, tình yêu Tổ quốc. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII (2021): “Yêu thương, đoàn kết, nhân nghĩa là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta.” Tình yêu đôi lứa, nếu được soi sáng bằng Phật pháp, sẽ là khởi điểm để nuôi dưỡng khối đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập.

Vì vậy, bài viết này được triển khai theo bốn hướng:

Cơ sở Phật học – lý giải tình yêu đôi lứa trong các kinh điển (Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm).

Ứng dụng trong kỷ nguyên mới – trong bối cảnh AI, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Từ ái luyến đến từ ái – đó không chỉ là tiến trình của một cặp tình nhân, mà là hành trình văn hóa, đạo đức của cả nhân loại. Khi con người biết yêu không để chiếm hữu, mà để hiến tặng, tình yêu sẽ trở thành sức mạnh giải thoát, giúp cá nhân vượt qua khổ đau và cộng đồng vững vàng trước sóng gió thời đại.

2. Cơ sở Phật học

2.1. Ái dục trong Tứ Diệu Đế - gốc rễ khổ đau về tình yêu

Trong giáo lý căn bản, đức Phật đã đặt ái (tanha) ở vị trí trung tâm của Khổ đế và Tập đế. Bởi chính ái – tức khát vọng chiếm hữu, ham muốn sự tồn tại và luyến ái cảm xúc – là nguyên nhân sâu xa khiến con người mãi luân hồi trong vòng sinh tử. Kinh Pháp cú (câu 212-213) nhấn mạnh: “Từ ái sinh sầu muộn, từ ái sinh sợ hãi. Ai thoát khỏi ái dục, người ấy không còn sầu muộn, không còn sợ hãi” (Thích Minh Châu dịch, 2016).

Nếu áp dụng vào tình yêu đôi lứa, ta thấy ngay bản chất hai mặt: tình yêu có thể là bông hoa tỏa hương, nhưng khi bị pha trộn với ái dục vị kỷ, nó biến thành gai nhọn, khiến con người đau khổ vì ghen tuông, lo lắng, thất vọng. Không ngẫu nhiên mà thi ca nhân loại, từ Truyện Kiều của Nguyễn Du đến Romeo and Juliet của Shakespeare, đều khắc họa tình yêu vừa như phép màu, vừa như bi kịch. Chính Phật học cho ta chiếc “chìa khóa vàng”: để thoát khổ, cần chuyển hóa tình yêu khỏi vòng kiềm tỏa của ái dục.

2.2. Từ ái (mettā) - tình yêu giải thoát

Khác với ái luyến, từ ái (mettā, maitrī) là một phẩm chất giải thoát. Trong Tứ Vô Lượng Tâm (từ – bi – hỷ – xả), “từ” chính là tình thương yêu không điều kiện, mong muốn cho tất cả chúng sinh đều được an lạc.

Kinh Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya, IV, 125) mô tả sức mạnh của từ tâm: “Như mẹ hiền thương con một, lấy thân mình mà bảo vệ con, cũng vậy, hãy phát khởi tâm từ vô lượng đối với tất cả chúng sinh.” Đây là mô hình lý tưởng: tình yêu lứa đôi cũng cần được thăng hoa đến mức “như mẹ thương con” – nghĩa là vị tha, bảo bọc, hiến tặng.

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Pháp chủ GHPGVN, giảng: “Ái tình lứa đôi, nếu chỉ để thỏa mãn ham muốn, sẽ chóng tàn; nhưng nếu đặt trên nền tảng từ ái, nó trở thành năng lượng vô tận nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình và xã hội.” (Pháp thoại, 2023). Đây chính là sự khác biệt then chốt: ái luyến tạo khổ đau, từ ái mang lại giải thoát.

2.3. Kinh Vu Lan - tình yêu khởi đi từ hiếu nghĩa

Kinh Vu Lan là minh chứng rằng mọi tình thương – kể cả tình yêu đôi lứa – phải bắt nguồn từ hiếu nghĩa. Mục Kiền Liên cứu mẹ không chỉ là hành động hiếu

thảo, mà còn khẳng định tình thương phải vượt lên khỏi bản năng, thành trách nhiệm đạo đức.

Đoạn kinh chép: “Cha mẹ hiện tiền phước thọ tăng, cha mẹ thất thế siêu sinh lạc quốc” (Thích Nhật Từ dịch, 2016). Thông điệp ở đây: yêu không chỉ để hưởng thụ, mà để phụng dưỡng, nâng đỡ, gắn bó với trách nhiệm. Trong văn hóa Việt, chữ “tình” luôn đi cùng chữ “nghĩa”: tình yêu không có nghĩa sẽ dễ thành đam mê phù phiếm. Chính Nguyễn Du đã dạy dút: “Chữ tình còn một chút này, chẳng cầm cho vững lại dày cho tan.” Tình yêu thiếu nền hiếu nghĩa, chung thủy và trách nhiệm, tất yếu dễ tan vỡ.

2.4. Kinh Kim Cang - phá chấp trong tình yêu

Kinh Kim Cang là bản kinh phá chấp tuyệt đối. Lời dạy: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Thích Trí Quang dịch, 2016) nghĩa là: hãy khởi tâm nhưng đừng bám chấp vào bất cứ đâu. Trong tình yêu, “chấp” chính là nguồn gốc của đau khổ: chấp vào thân xác, chấp vào hình ảnh lý tưởng, chấp vào cảm xúc thoáng qua.

Nếu tình yêu được nuôi dưỡng bằng “tâm vô trụ”, thì nó sẽ tự do, thanh tịnh, không biến thành xiềng xích. Điều này gợi nhớ đến tư tưởng của Kahlil Gibran trong The Prophet: “Hãy yêu nhau nhưng đừng biến tình yêu thành sợi dây trói buộc. Hãy để nó như biển cả giữa hai bờ linh hồn.” Đây là sự gặp gỡ kỳ diệu giữa minh triết Đông – Tây: yêu nhưng không chiếm hữu, gắn bó nhưng vẫn tự do.

2.5. Kinh Hoa Nghiêm - tình yêu trong lưới nhân duyên

Kinh Hoa Nghiêm nêu nguyên lý: “Một là tất cả, tất cả là một” (Thích Trí Tịnh dịch, 2016). Nếu áp vào tình yêu, ta thấy: yêu một người không chỉ là chuyện của hai cá nhân, mà là chuyện của cả mạng lưới nhân duyên. Tình yêu lứa đôi ảnh hưởng đến gia đình, cộng đồng, xã hội, và cả thiên nhiên.

Chính vì thế, yêu một người cũng đồng thời là học cách yêu thiên nhiên, yêu nhân loại, yêu vạn vật. Đây là nền tảng để tình yêu cá nhân thăng hoa thành tình yêu cộng đồng. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng hát: “Yêu em yêu thêm tình sông núi.” Câu ca này gần như diễn dịch lại nguyên lý Hoa Nghiêm: tình yêu đôi lứa, nếu chân thật, sẽ mở rộng ra thành tình yêu đất nước và nhân loại.

2.6. Đối chiếu với tư tưởng Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn đặt tình thương con người ở vị trí tối thượng. Người từng viết: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân.” (Hồ Chí Minh Toàn tập, T.15, 2011). Trong đó, tình yêu đôi lứa chính là điểm khởi đầu để con người tập luyện đức hy sinh, chia sẻ, đồng cam cộng khổ.

Các Nghị quyết của Bộ Chính trị gần đây càng củng cố điều đó.

Nghị quyết 57-NQ/TW (2025) về khoa học – công nghệ và chuyển đổi số khẳng định: “Phát triển công nghệ phải gắn với phát triển văn hóa, con người, xây dựng xã hội nhân văn, nghĩa tình.” Trong bối cảnh AI và mạng xã hội, tình yêu lứa đôi phải “chuyển đổi số”: không để công nghệ làm hao mòn cảm xúc, mà tận dụng nó để nuôi dưỡng sự hiểu biết, cảm thông.

Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) về hội nhập quốc tế nhấn mạnh: “Giữ gìn bản sắc văn hóa, phát huy giá trị nhân văn Việt Nam trong quá trình hội nhập.” Đây cũng là thách thức cho tình yêu: làm sao để trong thế giới mở, tình yêu không trở thành “toàn cầu hóa cảm xúc” rời rạc, mà vẫn giữ nét nghĩa tình, thủy chung của người Việt.

Nghị quyết 66-NQ/TW (2025) về xây dựng pháp luật nêu rõ: “Pháp luật phải bảo vệ quyền con người, đảm bảo công bằng, nhân văn.” Trong đời sống tình cảm, điều đó tương ứng với việc bảo vệ quyền yêu thương, quyền kết hôn, quyền hạnh phúc – những giá trị gắn với nhân phẩm công dân.

Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định: “Phát triển kinh tế phải song hành với trách nhiệm xã hội.” Nếu áp vào tình yêu, đây là lời nhắc: tình yêu không chỉ là sự hưởng thụ cá nhân, mà còn là trách nhiệm xây dựng gia đình – tế bào kinh tế – xã hội bền vững.

Như vậy, Phật học và đường lối chính trị – xã hội của Đảng gặp nhau ở một điểm: tình yêu đôi lứa không chỉ là cảm xúc riêng tư, mà là hạt nhân nuôi dưỡng nhân cách, văn hóa, xã hội và quốc gia.

Kết đoạn

Qua Tứ Diệu Đế, Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm, Phật học đã vạch rõ hành trình từ ái luyện đến từ ái – từ yêu bằng chiếm hữu sang yêu bằng hiến tặng. Hành trình ấy song song với tư tưởng Hồ Chí Minh, với tinh thần nhân văn trong các Nghị quyết của Đảng, và với khát vọng hạnh phúc của dân tộc. Tình yêu đôi lứa, vì thế, không phải là một “vấn đề cá nhân thuần túy”, mà là một “trường tu luyện xã hội”, nơi mỗi người học cách phá chấp, hiểu

nghĩa, vô ngã, để góp phần kiến tạo khối đại đoàn kết và nền văn minh nhân loại.



3. So sánh Đông - Tây, Kim - Cổ

3.1. Shakespeare và Nguyễn Du: Bi kịch ái luyện dưới hai bầu trời văn hóa

Trong *Romeo and Juliet*, Shakespeare đặt tình yêu vào tâm trục xung đột dòng tộc: cảm xúc thuần khiết nhưng bị trói buộc bởi định kiến và thù hận. Lời của Juliet—"My only love sprung from my only hate!"—hé lộ nghịch lý ái luyện: càng tuyệt đối hóa đối tượng, càng dễ rơi vào định mệnh bi thảm (Shakespeare, n.d., *Romeo and Juliet*, Act I). Từ nhãn quan Phật học, đây là biểu hiện của ái (tanha) kết dính với ngã chấp: yêu như một kéo giạt sở hữu.

Đặt bên cạnh *Truyện Kiều*, Nguyễn Du kiến tạo một không gian đạo đức-nhân quả khác: tình yêu Kiều-Kim bị xé rách bởi nghiệp-duyên-thời thế. Câu thơ "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" gợi quy chiếu Phật học: muốn "độ" tình yêu khỏi bể khổ, phải quay về tâm—tỉnh thức, từ ái, vô chấp (Nguyễn Du, n.d./bản dịch-khắc in hiện đại). Cả hai kiệt tác, từ phương Tây đến phương Đông, đều trình hiện cùng một định luật: ái luyện → chấp thủ → khổ (x. Dhammapada 212-213; Thích Minh Châu, 2016).

Kết luận tiểu mục: Shakespeare phơi bày ngoại lực (định kiến xã hội) làm bùng nổ bi kịch; Nguyễn Du đào sâu nội lực (nghệp và tâm). Phật học cho “lối ra”: giảm ái luyến, hạ chấp ngã, tăng từ ái.

3.3. Tagore và Kinh Vu Lan: Tự do và hiếu nghĩa

Tagore viết (dịch ý): “Tình yêu không đòi hỏi sở hữu, tình yêu đòi hỏi tự do.” (Tagore, 1913/2011, Gitanjali). Phật học cộng hưởng nhận định này bằng nền hiếu đạo của Kinh Vu Lan: tình yêu không thể đứng ngoài mạng lưới nghĩa—với cha mẹ, tổ tiên, cộng đồng:

“Cha mẹ hiện tiền phước thọ tăng...” (Thích Nhật Từ, 2016).

“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Khi tình yêu đôi lứa bùng khởi gốc hiếu-nghĩa, nó dễ trở thành tiêu dùng cảm xúc; khi cắm rễ vào hiếu-nghĩa, nó bền đức và bền văn hóa.

3.4. Neruda và Hàn Mặc Tử/Nguyễn Bính: Thần bí của dâng hiến và nỗi mong manh phàm tục

Neruda gọi tình yêu là vùng bí mật “giữa bóng tối và linh hồn” (I love you as certain dark things are to be loved...; Neruda, 1959/2004), chuyển cảm năng nhục cảm thành tôn giáo của trái tim. Tư thế thi sĩ ở đây gần với từ ái: yêu như một lễ hiến—không mặc cả.

Ở bình diện Việt, Hàn Mặc Tử đẩy cảm thức siêu linh; còn Nguyễn Bính giữ “độ trần” của lối yêu thôn dã (“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi...”), phơi ra mong manh xã hội—lệ tục, khoảng cách giai tầng, “lệ làng”. Cả hai nhắc ta rằng: tình yêu vừa cần thăng hoa (Neruda) vừa cần thể chế-văn hóa nâng đỡ (Nguyễn Bính). Phật học nối hai bờ: thăng hoa bằng bi-trí, nâng đỡ bằng giới-luật (khuôn khổ đạo đức).

3.5. Rumi và Gibran đối thoại Kinh Kim Cang: Gắn bó nhưng không chiếm hữu

Rumi gọi tình yêu là “cây cầu nối ta với tất cả” (dịch ý; Rumi, n.d./bản dịch Anh-Việt), mở ra viễn tượng bất nhị: yêu người-yêu vũ trụ. Kahlil Gibran viết trong The Prophet: “Hãy để có những khoảng cách trong sự bên nhau của các bạn”—ý khuyên không hòa tan bản ngã (Gibran, 1923/2002).

Kinh Kim Cang định dạng nguyên tắc: “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Thích Trí Quang, 2016). Áp vào tình yêu: gắn bó mà không trụ—không trụ vào thân-danh-ý niệm về “người kia”; yêu như dòng chảy, không như cái kho chứa. Khi ấy, tình yêu chuyển từ ái luyến sang từ ái: tự do đôi thay cho nô lệ kép.

Nhạc Trịnh (với rất nhiều bản tình ca), trong tinh thần, luôn mời gọi tình yêu khai phóng—yêu một người mà mở ra yêu người—yêu đời. Ta có thể đọc tinh thần ấy dưới ánh Pháp cú: “Kết oán diệt oán, đời này không có; không oán diệt oán, là định luật ngàn xưa” (Dhp 5; Thích Minh Châu, 2016). Tình yêu giải chấp sẽ giảm oán—với nhau, với đời. Nói cách khác, từ ái là kỹ năng chính trị vi mô—xây hòa bình từ tế bào gia đình.

Liên văn bản: Từ ái (mettā) ↔ hòa bình (non-violence) ↔ đạo đức công dân.

Nhạc cảm Trịnh giúp công chúng “nghe” lựa chọn Phật học bằng trái tim.

3.6. Mô hình so sánh khái quát

Biểu tượng ái luyến: Romeo-Juliet (Shakespeare), Kiều-Kim (Nguyễn Du) → Cảm xúc tuyệt đối + chấp thủ → Khổ/bi kịch.

Biểu tượng hiến tặng/tự do: Tagore, Neruda, Rumi, Gibran → Trao tặng/tự do/không sở hữu → Gần với từ ái.

Bộ nguyên tắc Phật học ứng dụng: Pháp cú (Dhp 212–213; 5), Vu Lan (hiếu-nghĩa), Kim Cang (vô trụ), Hoa Nghiêm (tương tức).

Hệ quả xã hội-chính trị: Từ ái trong tế bào tình yêu → gia đình vững → cộng đồng vững → năng lực đoàn kết (x. Văn kiện ĐH XIII, 2021).

3.7. Liên hệ chính sách - văn hóa: hội nhập nhưng không hòa tan

Từ góc nhìn đường lối, Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế nhấn mạnh hội nhập gắn với giữ gìn bản sắc và phát huy giá trị nhân văn Việt Nam. Trong trường tình ái, điều ấy chuyển hóa thành chuẩn mực: tiếp nhận tự do yêu đương của thời hiện đại, nhưng giữ nghĩa-hiếu-thủy chung của văn hóa Việt.

Nghị quyết 66-NQ/TW về pháp luật gợi ý khung bảo vệ nhân phẩm và hạnh phúc trong các quan hệ dân sự-gia đình; Nghị quyết 57-NQ/TW về chuyển đổi số nhắc việc xây dựng văn hóa số lành mạnh—chống thương mại hóa/giải trí hóa tình yêu; Nghị quyết 68-NQ/TW về kinh tế tư nhân hàm ý trách nhiệm xã

hội khởi đi từ đạo đức gia đình (tế bào của xã hội).

Điểm then chốt: Đem Phật học (từ ái-vô trụ-tương tức) làm “hạ tầng đạo đức” cho tự do tình cảm trong kỷ nguyên hội nhập-số hóa. Tự do cộng trách nhiệm → văn hóa yêu bền-đẹp.

3.8. Tổng hợp học thuật

Nhân học: Tình yêu là cấu trúc phổ quát nhưng được “chế tác” khác nhau bởi chế độ biểu tượng Đông và Tây.

Hiện tượng học: Kinh nghiệm yêu luôn đối diện vô thường; Phật học đề nghị chính niệm-từ bi như kỹ thuật giảm khổ.

Đạo đức học: Chuyển từ quyền chiếm hữu sang quyền hiến tặng.

Chính trị học vi mô: Từ ái là nền của vốn xã hội - gắn kết, tin cậy, hợp tác.

4. Liên hệ văn hóa - văn học Việt Nam

“Yêu nhau cau sáu bổ ba,
Ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười.”

Ở đây, tình yêu không phải là lời hứa hẹn lãng mạn, mà là sự công bằng trong cái ăn, cái mặc, cái sống. Tình yêu trong ca dao có tính tương tức (inter-being) - gần với nguyên lý Hoa Nghiêm: “Một là tất cả, tất cả là một.”

Một câu khác:

“Yêu nhau chẳng quản chi xa,
Một ngày không gặp bằng ba thu sầu”.

Ở đây, tình yêu đồng thời hiện hai mặt: ngọt ngào và khổ đau. Sự “sầu” vì ái biệt chính là minh họa cho Kinh Pháp cú (Dhp 212): “Từ ái sinh sầu muộn, từ ái sinh sợ hãi.” (Thích Minh Châu, 2016). Như vậy, nhân dân Việt đã vô thức “Phật học hóa” tình yêu trong lời ca: hạnh phúc và khổ đau vốn đồng hiện trong ái tình.

4.1. Truyện Kiều - bi kịch ái luyện và triết lý chữ tâm

Nguyễn Du dựng nên Truyện Kiều như một “Đại học tình yêu” của văn học Việt. Tình yêu Kim-Kiều xuất phát từ sự giao hòa tâm hồn, nhưng bị cuốn vào vòng xoáy dục vọng, lễ giáo, định mệnh. Khi tình yêu trở thành sự chấp thủ, nó bị

nghiệp lực nghiên nát.

Câu thơ:

“Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.

“Chữ tâm” ở đây không chỉ là đạo đức Nho gia, mà còn là tinh thần Phật học: đặt tình yêu trên nền tâm từ bi. Không phải “tài” – sắc đẹp, năng lực – mà chính “tâm” mới là trụ cột cho tình yêu bền vững. Truyện Kiều do đó minh chứng cho quy luật: ái luyến dẫn đến khổ đau; từ ái đưa đến giải thoát.

“Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già.
Mà xuân hết nghĩa là tôi cũng mất...”.

4.2. Hàn Mặc Tử và Nguyễn Bính - giới hạn của tình yêu phàm tục và lễ giáo

Hàn Mặc Tử đưa tình yêu vào không gian đau đớn của bệnh tật và tôn giáo. Ông viết: “Người đi một nửa hồn tôi mất, một nửa hồn tôi hóa đại khờ.” Đây là hình ảnh ái luyến cực đoan – tình yêu đồng nhất với bản ngã. Nhưng dưới góc Phật học, đây là minh chứng cho sự cần thiết của phá chấp.

Nguyễn Bính lại phản ánh tình yêu nông thôn, mộc mạc:

“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái giậu mừng tươi xanh rờn”.

Nhưng chính “giậu mừng tươi” – ẩn dụ của lễ giáo, tập tục – lại chia cách đôi lứa. Đây là một minh họa xã hội học cho nhận định: tình yêu đôi lứa không bao giờ thuần cá nhân, mà gắn với cấu trúc cộng đồng. Phật học khuyên: muốn tình yêu bền, phải phá bỏ rào cản vô minh – cả nội tâm lẫn xã hội.

“Yêu em yêu thêm tình sông núi,
Yêu em lòng chợt mở cửa ngàn nhà”.

Tình yêu không chỉ cho riêng “em”, mà mở ra thành tình yêu quê hương, đất nước, nhân loại. Đây là triết lý Hoa Nghiêm trong âm nhạc: một hạt bụi tình yêu chứa cả vũ trụ tình thương.

Trong Để gió cuốn đi, ông viết:

“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng,

Để làm gì em biết không?

Để gió cuốn đi”.

Đây chính là triết lý “từ ái” của Phật giáo: tình yêu không để tích trữ, mà để trao tặng. Khi yêu, con người không giữ cho riêng mình, mà để gió cuốn đi, lan tỏa hạnh phúc cho muôn loài.

4.3. Liên hệ tư tưởng Hồ Chí Minh - Tổng Bí thư - Phật giáo

Tình yêu đôi lứa trong văn hóa Việt Nam luôn gắn với triết lý nghĩa tình. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muốn yêu Tổ quốc, phải yêu đồng bào mình” (Hồ Chí Minh Toàn tập, T.10, 2011). Tình yêu lứa đôi chính là biểu hiện cụ thể đầu tiên của tình yêu đồng bào.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Yêu thương, đoàn kết, nhân nghĩa là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta” (ĐCSVN, 2021). Tổng Bí thư Tô Lâm cảnh báo: “Nếu chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ lan rộng, sẽ làm băng hoại nền tảng đạo đức từ gia đình đến xã hội” (2025). Những lời này soi sáng rằng: tình yêu đôi lứa không chỉ mang tính cá nhân, mà là mảnh đất đầu tiên để vun đắp đạo đức công dân và sức mạnh quốc gia.

Hòa thượng Thích Trí Quảng nhắc: “Tình thương chân thật là tình thương không đòi hỏi, không chiếm hữu, mà chỉ mong người khác được hạnh phúc” (2023). Đây là chìa khóa Phật học để chuyển hóa tình yêu Việt: từ ái luyến (chấp thủ, lễ giáo, bản năng) sang từ ái (hiến tặng, nghĩa tình, phụng sự).

5. Ứng dụng trong kỷ nguyên mới

5.1. Tình yêu trong thời đại số và AI - cơ hội và thách thức

Chưa bao giờ con người lại có nhiều công cụ để tìm kiếm và duy trì tình yêu như hôm nay. Chỉ cần vài thao tác trên điện thoại, hàng triệu người có thể kết nối, hẹn hò, trò chuyện xuyên biên giới. Tuy nhiên, mặt trái cũng xuất hiện: tình yêu dễ trở thành “hàng hóa cảm xúc”, bị đo bằng số lượt “like”, “share”, hay những cuộc gặp gỡ thoáng qua qua ứng dụng.

Nghị quyết 57-NQ/TW (2025) khẳng định: “Phát triển công nghệ phải song hành với phát triển con người, xây dựng văn hóa số nhân văn, nghĩa tình.” Điều này nhắc ta rằng công nghệ có thể hỗ trợ tình yêu, nhưng không thể thay thế tình yêu. Khi để thuật toán chi phối cảm xúc, tình yêu sẽ mất đi sự tự do.

Kinh Kim Cang dạy: “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Thích Trí Quang, 2016). Nếu đem áp vào tình yêu trong thời đại số, thì có nghĩa: đừng để tình yêu “trụ” vào hình ảnh ảo, số liệu ảo, hay giá trị ảo. Tình yêu cần quay lại cốt lõi: sự chính niệm và hiện diện thật giữa hai con người.

5.2. Tình yêu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập

Toàn cầu hóa mang đến cho tình yêu những màu sắc đa dạng. Người Việt có thể yêu người ngoại quốc, các cặp đôi đa văn hóa ngày càng nhiều. Tình yêu vì thế mở rộng biên độ, phá bỏ biên giới địa lý. Nhưng câu hỏi đặt ra: liệu trong dòng chảy hội nhập, tình yêu Việt có giữ được “hồn nghĩa tình”?

Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) nhấn mạnh: “Hội nhập quốc tế phải đi đôi với giữ gìn bản sắc văn hóa và phát huy giá trị nhân văn Việt Nam.” Nghĩa là, ngay cả trong tình yêu xuyên biên giới, cặp đôi Việt vẫn cần mang theo phẩm chất thủy chung, hiếu nghĩa – những giá trị đã làm nên hồn dân tộc.

“Trăm năm tình viên mãn,
Bạc đầu nghĩa chẳng phai”.

Phật học soi chiếu: “Tâm như hư không, dung nhiếp tất cả” (Kinh Hoa Nghiêm). Tình yêu có thể mở rộng với thế giới, nhưng vẫn giữ nền tảng từ ái, nghĩa tình. Đó chính là hội nhập mà không hòa tan – vừa đón nhận sự tự do yêu đương của phương Tây, vừa giữ thủy chung, hiếu nghĩa của phương Đông.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nhấn mạnh: “Yêu thương, đoàn kết, nhân nghĩa là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta” (ĐCSVN, 2021). Khi tình yêu lứa đôi Việt Nam thấm nhuần từ ái và nghĩa tình, nó sẽ trở thành “sứ giả mềm” đưa bản sắc Việt ra thế giới.

5.3. Tình yêu trước thách thức biến đổi khí hậu và khủng hoảng sinh thái

Biến đổi khí hậu đang làm rung chuyển tận gốc nền tảng xã hội loài người. Lũ lụt, hạn hán, di cư môi trường... khiến hàng triệu gia đình tan vỡ. Trong bối cảnh đó, tình yêu không chỉ là sự gắn bó giữa hai cá nhân, mà còn là trách nhiệm sinh thái.

Đức Phật dạy trong Kinh Tương Ưng: “Tất cả chúng sinh đều nương vào nhau mà tồn tại.” Tình yêu không thể tồn tại nếu môi trường bị hủy hoại. Một mái nhà chỉ có thể vững nếu hành tinh còn có thể nâng đỡ.

Nhạc Trịnh từng ngân: “Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi trở về cát bụi.” Câu ca nhắc rằng tình yêu gắn với kiếp nhân sinh hữu hạn, và trách nhiệm của mỗi tình yêu là góp phần gìn giữ môi trường cho thế hệ mai sau.

Phật học đề nghị: hãy mở rộng từ ái từ phạm vi cá nhân sang phạm vi sinh thái – yêu người tức cũng yêu đất, yêu nước, yêu rừng, yêu khí hậu. Một cặp tình nhân hôm nay không chỉ hứa hẹn nắm tay nhau, mà còn cùng nhau trồng cây, giữ nước, bảo vệ môi trường. Đó mới là tình yêu của kỷ nguyên khí hậu.

5.4. Tình yêu và bất bình đẳng xã hội - yêu trong khuôn khổ công bằng và nhân phẩm

Ví dụ điển hình là Luật Hôn nhân và Gia đình (2014) quy định quyền tự do kết hôn, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 nhấn mạnh vai trò gia đình trong xã hội hiện đại, và báo cáo UN Women (2024) khẳng định tình yêu và hôn nhân bình đẳng giới là nền tảng cho phát triển bền vững.

Ví dụ tại Việt Nam, mô hình 'Gia đình văn hóa' triển khai rộng khắp, góp phần xây dựng hạnh phúc bền vững. Các khóa tu Phật giáo như 'Gia đình an lạc' cũng trực tiếp nuôi dưỡng từ ái trong hôn nhân và đời sống xã hội.

Một nghịch lý: trong khi nhân loại nói nhiều về tự do yêu đương, thì bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình, hôn nhân ép buộc vẫn tồn tại. Phật giáo khẳng định: mọi chúng sinh đều có Phật tính, đều bình đẳng.

Kinh Pháp cú (Dhp 5) dạy: “Không oán diệt oán, đời này không có; không oán diệt oán, là định luật ngàn xưa.” Trong tình yêu, điều này nghĩa là: bạo lực không thể mang lại hạnh phúc, chỉ có từ ái và tôn trọng nhân phẩm mới xây dựng được hôn nhân bền lâu.

Nghị quyết 66-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị khẳng định: “Pháp luật phải bảo đảm công bằng, nhân văn, lấy con người làm trung tâm.” Đây là khung pháp lý để bảo vệ quyền yêu và được yêu, chống lại mọi hình thức áp bức trong tình cảm.

Hòa thượng Thích Trí Quảng cũng nhấn mạnh: “Tình thương chân thật không bao giờ làm tổn hại người khác.” Một tình yêu bạo lực không phải tình yêu, mà là biến dạng của ái luyến. Từ ái đích thực là biết tôn trọng, bảo vệ, nâng đỡ người mình yêu.

5.5. Tình yêu, kinh tế và trách nhiệm xã hội

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hôn nhân – tình yêu – gia đình không tách rời yếu tố kinh tế. Nhiều đôi lứa tan vỡ vì áp lực mưu sinh, thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo. Tình yêu khi ấy đứng trước thử thách: liệu có còn bền vững nếu thiếu ổn định kinh tế?

Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng, nhưng phải gắn với trách nhiệm xã hội.” Ở cấp độ vi mô, tình yêu đôi lứa cũng là một “tế bào kinh tế”. Một gia đình yêu thương, hòa thuận sẽ tạo ra sự ổn định, đóng góp vào phát triển cộng đồng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” (Hồ Chí Minh Toàn tập, T.15, 2011). Nếu tình yêu lứa đôi được nuôi dưỡng bằng nghĩa tình, thì chính nó là “hạt nhân của đoàn kết” – nơi sản sinh ra công dân có trách nhiệm, gia đình có sức sống, và quốc gia có bền vững.

5.6. Tổng hợp ứng dụng trong kỷ nguyên mới

Từ bốn thách thức lớn – công nghệ, toàn cầu hóa, khí hậu, bất bình đẳng – ta có thể rút ra một mô hình Phật học ứng dụng:

Trong kỷ nguyên số (AI, mạng xã hội): tình yêu cần chính niệm – vô chấp để không bị ảo hóa.

Trong hội nhập toàn cầu: tình yêu cần nghĩa tình – hiếu nghĩa để giữ bản sắc Việt.

Trong khủng hoảng khí hậu: tình yêu cần trách nhiệm sinh thái để bền lâu.

Trong bất bình đẳng xã hội: tình yêu cần pháp luật bảo vệ và đạo đức từ ái. Ví dụ điển hình là Luật Hôn nhân và Gia đình (2014) quy định quyền tự do kết hôn, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 nhấn mạnh vai trò gia đình trong xã hội hiện đại, và báo cáo UN Women (2024) khẳng định tình yêu và hôn nhân bình đẳng giới là nền tảng cho phát triển bền vững.

Trong kinh tế thị trường: tình yêu cần trách nhiệm cộng đồng để trở thành “tế bào kinh tế – xã hội” bền vững.

Tóm lại, tình yêu đôi lứa trong kỷ nguyên mới phải là sự kết hợp của công nghệ + bản sắc + sinh thái + công bằng + trách nhiệm. Và Phật học chính là nền đạo đức để kết nối tất cả.

Kết đoạn

Trong kỷ nguyên mới, tình yêu đôi lứa không còn là câu chuyện riêng tư. Nó trở thành “mặt trận mềm” của nhân loại trước những thách thức toàn cầu. Nếu tình yêu chỉ là ái luyến, nó sẽ tan biến trong ảo ảnh, vị kỷ và biến đổi khí hậu. Nhưng nếu tình yêu được chuyển hóa thành từ ái, nó sẽ trở thành nguồn năng lượng dựng xây xã hội, giữ gìn bản sắc, bảo vệ môi trường, thúc đẩy hòa bình và đoàn kết nhân loại. Từ ái luyến đến từ ái – đó chính là hành trình “chuyển đổi số” về tâm linh của tình yêu đôi lứa trong thế kỷ XXI.

6. Kết luận

Tình yêu đôi lứa, tưởng chừng là câu chuyện riêng tư của hai cá nhân, nhưng trong ánh sáng Phật học và trong dòng chảy văn hóa Việt Nam, nó hiện lên như một vấn đề triết học, văn hóa, đạo đức và chính trị. Bởi lẽ, từ ngàn xưa, tình yêu chưa bao giờ chỉ là một khoảnh khắc lãng mạn, mà luôn gắn liền với nghĩa – tình – hiếu – đạo – cộng đồng.

Kinh Pháp cú (212–213) khẳng định: “Từ ái sinh sâu muộn, từ ái sinh sợ hãi. Ai thoát khỏi ái dục, người ấy không còn sâu muộn, không còn sợ hãi” (Thích Minh Châu, 2016). Đức Phật không phủ nhận tình yêu, mà chỉ ra bản chất khổ đau của ái luyến vị kỷ. Nhưng đồng thời, trong Tứ Vô Lượng Tâm, Ngài trao cho nhân loại phương thuốc: từ ái – tình yêu không điều kiện, không ràng buộc, chỉ mong người khác được hạnh phúc.

Từ góc nhìn chính trị – xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Muốn yêu Tổ quốc, phải yêu đồng bào mình” (Hồ Chí Minh Toàn tập, T.10, 2011). Lời dạy này cho thấy: tình yêu lứa đôi là trường học đầu tiên của lòng yêu nước. Một người không biết yêu, không biết thủy chung trong mối quan hệ đôi lứa, khó có thể xây dựng tình nghĩa rộng lớn với đồng bào, Tổ quốc.

Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Yêu thương, đoàn kết, nhân nghĩa là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta” (ĐCSVN, 2021).

Tình yêu đôi lứa, dưới ánh sáng Kinh Pháp cú, là hành trình chuyển hóa từ ái luyến chiếm hữu sang từ ái sẻ chia. “Chiến thắng vạn quân không bằng chiến thắng chính mình” – tình yêu muốn bền lâu phải vượt bản ngã ích kỷ.

Song, tình yêu không chỉ là chuyện riêng hai người, mà còn gắn với hạnh phúc cộng đồng. Trong diễn văn kỷ niệm 80 năm Quốc khánh, Tổng bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI... Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, hùng cường, thịnh vượng, nhân dân ấm no, hạnh phúc” (Tô Lâm, 2025b).

Hai phát biểu ấy như “cặp đối xứng” soi tình yêu hiện đại: yêu để phụng sự – kiến tạo hay yêu để thỏa mãn – phá hủy. Sự lựa chọn nằm ở mỗi người.

Trong kỷ nguyên số, toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu, tình yêu càng phải được “nâng cấp đạo đức”. AI, mạng xã hội, kinh tế thị trường, bất bình đẳng giới – tất cả đều có thể biến tình yêu thành hàng hóa cảm xúc. Nhưng Phật học nhắc: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Kinh Kim Cang). Nghĩa là, trong tình yêu, hãy khởi tâm từ bi mà không trụ chấp vào hình ảnh, dục vọng, hay vật chất. Khi đó, tình yêu không chỉ vượt qua ảo ảnh công nghệ, mà còn trở thành năng lượng xây dựng gia đình, cộng đồng, xã hội bền vững.

Hòa thượng Thích Trí Quảng nhấn mạnh: “Tình thương chân thật không đòi hỏi, không chiếm hữu, mà chỉ mong người khác được hạnh phúc” (2023). Đó chính là định nghĩa chuẩn mực cho tình yêu trong thế kỷ XXI – một tình yêu không dừng ở “cái tôi” và “cái của tôi”, mà mở ra “cái chúng ta”.

Khi tình yêu đôi lứa được soi sáng bằng Phật học, nâng đỡ bằng tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối Đảng, nó không chỉ là câu chuyện của hai người, mà còn là nền tảng của quốc gia, dân tộc và nhân loại. Nó trở thành mặt trận mềm để chống lại sự tha hóa của chủ nghĩa cá nhân, để bồi đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, để góp phần dựng xây hòa bình thế giới.

Tác giả xin mạo muội chốt lại khái niệm về tình yêu: “Tình yêu đích thực không phải là giữ chặt để chiếm hữu, mà là mở lòng để hiến tặng – để cùng nhau bay xa”.

Tác giả: **Minh Dục - ThS. Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025a). Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025b). Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025c). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025d). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

6. Gibran, K. (2002). *The Prophet*. New York: Alfred A. Knopf. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1923).
7. Goethe, J. W. von. (2004). *Faust* (bản dịch tiếng Anh). Berlin: Public Domain. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1808).
8. Hồ Chí Minh. (2011). *Hồ Chí Minh Toàn tập* (Tập 10, 15). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
9. Nguyễn Du. (2004). *Truyện Kiều* (Đào Duy Anh chú giải). Hà Nội: Nxb Văn học.
10. Neruda, P. (2004). *Cien sonetos de amor* [Một trăm sonnet tình yêu] (bản dịch tiếng Anh). London: Penguin Classics. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1959).
11. Rumi, J. (2004). *Selected Poems of Rumi* (bản dịch tiếng Anh). New York: Penguin Classics. (Tác phẩm gốc xuất bản thế kỷ XIII).
12. Shakespeare, W. (1998). *Romeo and Juliet*. Oxford: Oxford University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1597).
13. Tagore, R. (2011). *Gitanjali* (bản dịch tiếng Anh). New Delhi: Penguin Books India. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1913).
14. Thích Minh Châu (dịch). (2016). *Kinh Pháp cú*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
15. Thích Nhật Từ (dịch). (2016). *Kinh Vu Lan*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
16. Thích Trí Quang (dịch). (2016). *Kinh Kim Cang*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
17. Thích Trí Tịnh (dịch). (2016). *Kinh Hoa Nghiêm*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
18. Trịnh Công Sơn. (2002). *Tuyển tập ca khúc Trịnh Công Sơn*. Hà Nội: Nxb Trẻ.
19. Xuân Diệu. (1938). *Thơ Thơ*. Hà Nội: Nxb Đời Nay.
20. Tô Lâm. (2025a, 30 tháng 4). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975–30/4/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
21. Tô Lâm. (2025b, 2 tháng 9). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945–2/9/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.